

## BÀI 4

# CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích *Truyện kì mạn lục*)

## ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương.

– Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

– Tìm hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm : nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật, sự sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kì ảo với những tình tiết có thực tạo nên vẻ đẹp riêng của loại truyện truyền kì.

### II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về tác giả : Hiện chưa rõ cụ thể năm sinh và năm mất của Nguyễn Dữ, nhưng theo các tài liệu để lại, có thể đoán định ông sống vào nửa đầu thế kỉ XVI, là học trò giỏi của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bình Khiêm. Chế độ phong kiến nhà Hậu Lê, sau một thời kì phát triển rực rỡ cuối thế kỉ XV, đến đây đã bắt đầu lâm vào tình trạng khủng hoảng, chính sự suy yếu, các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền lực, gây nên loạn lạc liên miên. Chán nản trước thời cuộc, lại chịu ảnh hưởng của thầy học, sau khi đỗ hương cống, Nguyễn Dữ chỉ làm quan có một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi rừng Thanh Hoá. Đó là cách phản kháng của nhiều trí thức tâm huyết đương thời.

2. Về tác phẩm : Truyện truyền kì là loại văn xuôi tự sự, có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc, thịnh hành từ thời Đường. Các nhà văn nước ta về sau đã tiếp nhận thể loại này để viết những tác phẩm phản ánh cuộc sống và con người của đất nước mình, nổi tiếng nhất có *Thánh Tông di thảo* (Lê Thánh Tông), *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Truyện kì tân phá* (Đoàn Thị Điểm),... Truyện truyền kì thường mô phỏng những cốt truyện dân gian hoặc đã sử vốn đã được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân (cũng có khi cốt truyện là của Trung Quốc,

nhưng lại được phát triển trên cơ sở bối cảnh xã hội Việt Nam). Sau đó, bằng tài năng sáng tạo của mình, các tác giả sắp xếp lại những tình tiết, bồi đắp thêm cho đời sống của các nhân vật, xen kẽ những yếu tố kì ảo... Bởi thế, truyện dù có ma quỷ, thần tiên hay yêu tinh, thủy quái, nhưng mạch chính vẫn là những chuyện có thực, chuyện trần thế, và nổi lên trên hết vẫn là những con người thực, có đời sống, có số phận,... *Truyện kì mạn lục* là đỉnh cao của thể loại này, từng được xem là một áng "thiên cổ kì bút" (áng văn hay của ngàn đời). Tác phẩm gồm hai mươi truyện, đề tài khá phong phú : có truyện đả kích thẳng vào chế độ phong kiến lúc suy thoái, vạch mặt bọn tham quan ô lại, hôn quân bạo chúa, đứng về phía những người dân bị áp bức ; có truyện nói đến tình yêu và hạnh phúc lứa đôi, tình nghĩa vợ chồng ; có truyện đề cập đến cuộc sống và những hoài bão, lí tưởng của kẻ sĩ trước thời cuộc... Hầu hết các nhân vật đều là người nước ta, hầu hết các sự việc đều diễn ra ở nước ta. Có thể nói Nguyễn Dữ đã gửi gắm vào tác phẩm tất cả tâm tư, tình cảm, nhận thức và khát vọng của người trí thức có lương tri trước những vấn đề lớn của thời đại, của con người.

3. Về phương pháp : Đây là một tác phẩm văn xuôi chữ Hán, lại khá dài, nhiều tình tiết, cho nên khi dạy – học, GV cần chú ý :

– Cho HS đọc văn bản, gợi ý cho các em nắm bắt được mạch ý và các tình huống truyện để nhớ và có thể kể lại truyện.

– Đây là một văn bản dịch nên không khai thác nghệ thuật ngôn ngữ mà chỉ nên tập trung khai thác cách tạo tình huống, sắp xếp các tình tiết và việc xây dựng tính cách nhân vật, giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của một áng văn xuôi tự sự cổ. Đặc biệt ở bài này có nhiều đoạn văn đối thoại, hãy phân tích giá trị nghệ thuật của những đoạn đối thoại đó trong việc tạo tình huống kịch và dựng nhân vật.

– Nên vận dụng phương pháp so sánh, đối chiếu với truyện cổ tích để thấy rõ sự tái tạo đầy tính chất nghệ thuật của tác giả Nguyễn Dữ (chẳng hạn chi tiết Trương Sinh đem trăm lạng vàng cưới Vũ Nương, những lời đối thoại giữa các nhân vật, cách đẩy tình tiết gây nên sự oan khuất của nàng xuống phần mở nút của truyện, yếu tố kì ảo về việc Phan Lang gặp Vũ Nương ở dưới thủy cung,...).

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Giới thiệu tác phẩm.

*Chuyện người con gái Nam Xương* là truyện thứ mười sáu trong số hai mươi truyện của *Truyện kì mạn lục*. Truyện có nguồn gốc từ một truyện dân

gian trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, được gọi là truyện *Vợ chàng Trương*. Truyện cổ tích chỉ thiên về kể những sự kiện dẫn đến nỗi oan khuất của Vũ Nương : Hai người lấy nhau, đang sum họp đầm ấm, xảy có nạn binh đao, Trương Sinh phải đăng lính, nàng ở nhà phụng dưỡng mẹ già, nuôi con nhỏ. Để dỗ con, nàng thường chỉ bóng mình trên tường mà bảo đó là cha nó. Khi Trương Sinh về thì con đã biết nói. Đứa bé ngây thơ kể với Trương Sinh về người đêm đêm vẫn đến với mẹ con nó. Chàng nổi máu ghen, mắng nhiếc vợ thậm tệ, rồi đánh đuổi đi, khiến nàng phẫn uất, chạy ra bến Hoàng Giang đâm đầu xuống sông tự tử. Khi hiểu ra nỗi oan của vợ, Trương Sinh đã lập đàn giải oan cho nàng ở nơi bến sông ấy. Hiện nay, ở huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam vẫn còn miếu thờ Vũ Nương. Cái chết bi thảm của nàng đã từng làm rung động bao tâm hồn thi sĩ, để lại nhiều bài thơ viếng Vũ Thị rất hay, như bài thơ của Lê Thánh Tông trong phần đọc thêm của SGK.

**Hoạt động 2.** Hướng dẫn đọc, tìm đại ý và bố cục.

– Hướng dẫn HS đọc diễn cảm, chú ý phân biệt các đoạn tự sự và những lời đối thoại, thể hiện được tâm trạng từng nhân vật trong từng hoàn cảnh.

– Cho HS tìm đại ý : Đây là câu chuyện về số phận oan nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, có đức hạnh dưới chế độ phong kiến, chỉ vì một lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị nghi ngờ, bị sỉ nhục, bị đẩy đến bước đường cùng, phải tự kết liễu cuộc đời mình để giải tỏ tấm lòng trong sạch. Tác phẩm cũng thể hiện mơ ước ngàn đời của nhân dân là người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, dù chỉ là ở một thế giới huyền bí.

– Hướng dẫn HS phân đoạn và tìm ý chính từng đoạn. Truyện có thể chia làm ba đoạn :

Đoạn 1 (từ đầu đến "lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình") : Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.

Đoạn 2 ("Qua năm sau ... nhưng việc trót đã qua rồi") : Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.

Đoạn 3 (phần còn lại) : Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương trong động Linh Phi. Vũ Nương được giải oan.

**Hoạt động 3.** Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản.

1. Hướng dẫn giải đáp câu 2 trong SGK, chủ yếu là tìm hiểu những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam thông qua nhân vật Vũ Nương.

Đây là điểm biểu hiện rõ nhất sự khác biệt giữa tác phẩm với truyện cổ tích, bởi truyện cổ tích chỉ thiên về cốt truyện và những diễn biến hành động của nhân vật, còn ở đây, dưới ngòi bút sáng tạo nghệ thuật của tác giả, nhân vật có đời sống, có tính cách rõ rệt hơn nhiều. Tác giả đã đặt nhân vật Vũ Nương vào nhiều hoàn cảnh khác nhau. Hãy cho HS tìm hiểu những hoàn cảnh và phân tích lời lẽ cùng cách cư xử của nàng :

– Cảnh 1 : Trong cuộc sống vợ chồng bình thường, nàng đã xử sự như thế nào trước tính hay ghen của Trương Sinh ? ("giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà").

– Cảnh 2 : khi tiễn chồng đi lính. Cho HS tìm hiểu những ý tứ trong lời dặn dò đầy tình nghĩa của Vũ Nương : không trông mong vinh hiển mà chỉ cầu cho chồng được bình an trở về ; cảm thông trước những nỗi vất vả, gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng ; nói lên nỗi khắc khoải nhớ nhung của mình. Chú ý chi tiết những lời nói ân tình, đầm thắm của nàng đã làm mọi người đều xúc động.

– Cảnh 3 : khi xa chồng. Vũ Nương là người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết, nỗi buồn nhớ cứ dài theo năm tháng (những hình ảnh "bướm lượn đầy vườn" – chỉ cảnh mùa xuân vui tươi, "mây che kín núi" – chỉ cảnh mùa đông ảm đạm là những hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian). Nàng còn là người mẹ hiền, dâu thảo, một mình vừa nuôi con nhỏ, vừa tận tình chăm sóc mẹ già những lúc yếu đau, lo thuốc thang, cầu khẩn thần phật, và lúc nào cũng dịu dàng, ân cần "lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn". Chú ý cho HS tìm hiểu trong lời trăng trối của bà mẹ chồng, ý tứ nào thể hiện sự ghi nhận nhân cách và đánh giá cao công lao của nàng đối với gia đình nhà chồng. Đó là cách đánh giá thật xác đáng và khách quan. Tác giả khẳng định một lần nữa trong lời kể : "Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình".

– Cảnh 4 : khi bị chồng nghi oan. Ở đây có ba lời thoại của Vũ Nương. GV có thể đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu ý nghĩa từng lời thoại và qua đó nhận xét về tính cách Vũ Nương.

Lời thoại 1 : phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình. Vũ Nương nói đến thân phận mình, tình nghĩa vợ chồng và khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, cầu xin chồng đừng nghi oan, nghĩa là đã hết lòng tìm cách hàn gắn cái hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.

Lời thoại 2 : nói lên nỗi đau đớn, thất vọng khi không hiểu vì sao bị đối xử bất công, bị "mắng nhiếc... và đánh đuổi đi", không có quyền được tự bảo vệ, ngay cả khi có "họ hàng làng xóm bên vực và biện bạch cho". Hạnh phúc gia đình ("thú vui nghi gia nghi thất"), niềm khao khát của cả đời nàng đã tan vỡ, tình yêu không còn ("bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió..."), cả nỗi đau khổ chờ chồng đến thành hoá đá trước đây cũng không còn có thể làm lại được nữa ("đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa").

Lời thoại 3 : thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân đã đến độ không thể nào hàn gắn nổi, Vũ Nương đành mượn dòng nước con sông quê hương để giải tỏ tấm lòng trong trắng của mình, nàng "tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rằng...". Lời than như một lời nguyện, xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và tiết sạch giá trong của nàng. Ở đoạn truyện này, tình tiết được sắp xếp đầy kịch tính, Vũ Nương bị dồn đẩy đến bước đường cùng, nàng đã mất tất cả, đành phải chấp nhận số phận sau mọi cố gắng không thành. Hành động tự trầm mình của nàng là một hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự, có nỗi tuyệt vọng đắng cay, nhưng cũng có sự chỉ đạo của lí trí (chú ý những chi tiết "tắm gội chay sạch" và lời nguyện cầu của nàng), không phải là hành động bột phát trong cơn nóng giận như truyện cổ tích miêu tả (Vũ Nương chạy một mạch ra bến Hoàng Giang gieo mình xuống nước).

Sau khi phân tích qua cả bốn tình huống, cho HS nhận xét chung về tính cách Vũ Nương : Đó là một người phụ nữ xinh đẹp, nét na, hiền thực, lại đảm đang, tháo vát, thờ kính mẹ chồng rất mực hiếu thảo, một dạ thủy chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình. Một con người như thế đáng ra phải được hưởng hạnh phúc trọn vẹn, vậy mà lại phải chết một cách oan uổng, đau đớn.

## 2. Hướng dẫn giải đáp câu 3 trong SGK.

Nỗi oan khuất của Vũ Nương có nhiều nguyên nhân và được diễn tả rất sinh động, như một màn kịch ngắn, có tạo tình huống, xung đột, thắt nút, mở nút... GV có thể đặt những câu hỏi, gợi ý cho HS tìm hiểu theo hướng sau :

– Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương có phần không bình đẳng (chú ý chi tiết Trương Sinh "xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về" và lời nói của Vũ Nương "Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu"). Sự cách bức

ấy đã cộng thêm một cái thế cho Trương Sinh, bên cạnh cái thế của người chồng, người đàn ông trong chế độ gia trưởng phong kiến.

– Tính cách của Trương Sinh : "Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức", thêm nữa tâm trạng của chàng khi trở về nhà cũng có phần nặng nề, không vui : "Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi" (chú ý giọng kể của tác giả cũng có phần ngậm ngùi, rời rạc).

– Tính huống bất ngờ : Đó là lời nói của đứa trẻ ngây thơ, chứa đầy những dữ kiện đáng ngờ. Thoạt đầu là sự ngạc nhiên của nó khi thấy mình có những hai người cha, một người biết nói và một người "chỉ nín thin thít". Khi bị gạn hỏi, nó mới nói thêm đây là "một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi". Thông tin ngày một gay cấn ấy như đổ thêm dầu vào lửa, "tính đa nghi" của Trương Sinh đã đến độ cao trào, chàng "đình ninh là vợ hư" (chú ý quá trình phát triển tâm lí nhân vật).

– Cách xử sự hồ đồ và độc đoán của Trương Sinh : Chàng không đủ bình tĩnh để phán đoán, phân tích, bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ, không tin cả những nhân chứng bên vực cho nàng, cũng nhất quyết không nói ra duyên cớ để cho vợ có cơ hội minh oan. Nút thắt ngày một chặt, kịch tính ngày một cao. Trương Sinh trở thành một kẻ vũ phu, thô bạo "mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi", dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương. Cái chết đó khác nào bị bức tử, mà kẻ bức tử lại hoàn toàn vô can.

Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ. Người phụ nữ đức hạnh ở đây không những không được bên vực, chở che mà lại còn bị đối xử một cách bất công, vô lí ; chỉ vì lời nói ngây thơ của đứa trẻ miệng còn hơi sữa và vì sự hồ đồ, vũ phu của anh chồng ghen tuông mà đến nỗi phải kết liễu cuộc đời mình.

### 3. Hướng dẫn giải đáp câu 4 trong SGK.

Đối với câu này, có thể tách riêng ra, cũng có thể lồng vào hai câu trên để tìm hiểu giá trị nghệ thuật của tác phẩm, rồi cuối cùng cho HS nhận xét tổng quát để rút ra kết luận chung.

– Về cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện của tác giả : Trên cơ sở cốt truyện có sẵn, tác giả đã sắp xếp lại một số tình tiết, thêm bớt hoặc tô đậm những tình tiết có ý nghĩa, có tính chất quyết định đến quá trình diễn biến của truyện cho hợp lí, tăng cường tính bi kịch và cũng làm cho truyện trở nên hấp dẫn và sinh

động hơn. Chẳng hạn thêm chi tiết Trương Sinh "đem trăm lạng vàng" cưới Vũ Nương, cuộc hôn nhân trở nên có tính chất mua bán ; lời trăng trối của bà mẹ chồng khẳng định một cách khách quan nhân cách và công lao của Vũ Nương đối với gia đình nhà chồng ; những lời phân trần, giải bày của nàng khi bị nghi oan và hành động bình tĩnh, quyết liệt của nàng khi tìm đến cái chết... Lời nói của đứa trẻ, cái cơ để Trương Sinh nổi máu ghen, được đưa ra dần dần, và thông tin ngày một gay gắt làm cho nút thắt ngày một chặt hơn, để rồi sự thật được làm sáng tỏ sau khi Vũ Nương đã không còn nữa. Truyện trở nên có tính kịch hơn, gợi cảm hơn...

– Giá trị nghệ thuật của những đoạn đối thoại và những lời tự bạch của nhân vật : truyện có nhiều lời thoại và lời tự bạch của nhân vật, được sắp xếp rất đúng chỗ, làm cho câu chuyện trở nên sinh động, góp phần không nhỏ vào việc khắc hoạ quá trình tâm lí và tính cách nhân vật (lời nói của bà mẹ Trương Sinh là của một người nhân hậu và từng trải ; lời của Vũ Nương bao giờ cũng chân thành, dịu dàng, mềm mỏng, có tình, có lí, ngay cả trong lúc đáng tức giận nhất, là lời của một người phụ nữ hiền thực, nét na, trong trắng, không có gì khuất tất ; lời đứa trẻ hồn nhiên, thật thà,...).

#### 4. Hướng dẫn giải đáp câu 5 trong SGK.

– Những yếu tố kì ảo : Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa ; Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi tiệc yến và gặp Vũ Nương, người cùng làng đã chết, rồi được sứ giả của Linh Phi rẽ nước đưa về dương thế ; hình ảnh Vũ Nương hiện ra sau khi Trương Sinh lập đàn tràng giải nỗi oan cho nàng ở bến Hoàng Giang lung linh, huyền ảo, với "kiệu hoa... cờ tán, võng lọng rực rỡ... lúc ẩn, lúc hiện", rồi bỗng chốc "bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất". Đó là những yếu tố không thể thiếu của loại truyện truyền kì.

– Cách thức đưa những yếu tố kì ảo vào truyện của Nguyễn Dữ : Các yếu tố này được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh (bến đò Hoàng Giang, ải Chi Lăng), về thời điểm lịch sử (cuối đời Khai Đại nhà Hồ), nhân vật lịch sử (Trần Thiêm Bình), sự kiện lịch sử (quân Minh xâm lược nước ta, nhiều người chạy trốn ra bể, rồi bị đắm thuyền), những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân (quần áo thướt tha, mái tóc búi xõ, riêng Vũ Nương mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn), về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất (cây cối thành rừng, cỏ gai rợp mắt)... Cách thức này làm cho thế giới kì ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

– Ý nghĩa của những yếu tố kì ảo : Trước hết nó làm hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương, một con người dù đã ở thế giới khác vẫn nặng tình với cuộc đời, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, vẫn khao khát được phục hồi danh dự. Điều quan trọng hơn là những yếu tố kì ảo đó đã tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho tác phẩm, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng trong cuộc đời, người tốt dù có trải qua bao oan khuất, cuối cùng sẽ được minh oan. Nhưng tính bi kịch của tác phẩm có vì thế mà bị giảm đi không ? GV có thể cho HS phân tích tình tiết kì ảo ở cuối truyện : Vũ Nương trở lại dương thế, rực rỡ, uy nghi, nhưng chỉ thấp thoáng ở giữa dòng sông, lúc ẩn, lúc hiện, với lời từ tạ ngậm ngùi : "Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa", rồi "trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất". Tất cả chỉ là ảo ảnh, là một chút an ủi cho người bạc phận, hạnh phúc thực sự đâu còn có thể làm lại được nữa. Và chàng Trương thế tất vẫn phải trả giá cho hành động "phũ phàng" của mình. Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái lung linh kì ảo này. Và điều đó một lần nữa khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với số phận bi thảm của người phụ nữ trong chế độ phong kiến.

#### **Hoạt động 4.** Hướng dẫn luyện tập.

Cho HS kể lại truyện theo cách của mình.

### **IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

– *Truyện kì mạn lục*, bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962.

– *Văn học Việt Nam (thế kỉ X – nửa đầu thế kỉ XVIII)*, Chương XXII, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.